TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐIỆN BÀN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 17-5-2019
V/v Tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Lan

2. Ông Phạm Hữu Kinh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên toà: bà Đinh Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

a/ Nguyên đơn: Bà Trương Thị C Sinh năm: 1972 (có mặt)

Địa chỉ: thôn G 2, xã Hòa P, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

b/ Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M Sinh năm: 1957(có mặt)

Địa chỉ: thôn L 2, xã Điện H, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

c/ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự:

Luật sư Trương Văn Bình – Công ty Luật TNHH hai thành viên Bình Minh - Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng

Là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, bà Trương Thị C (có mặt)

Luật sư Võ Văn Đáng – Văn phòng Luật sư Tân Hòa- Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng

Là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, ông Nguyễn Văn M (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Trương Thị C trình bày:

Bà C và ông M quen biết nhau từ năm 2006 qua bạn bè giới thiệu. Quá trình quen biết thì bà và ông M phát sinh tình cảm và có 02 con chung gồm Nguyễn Trương Kỳ D, sinh ngày 26/4/2011 và Nguyễn Văn Manh T, sinh ngày 18/02/2014. Sau khi sinh con, ông M nhận con và đăng ký khai sinh với tên cha là Nguyễn Văn M. Tuy nhiên, ông M đã có vợ hợp pháp và có con chung với vợ nên không sống chung với bà C. Thời gian gần đây, ông M không thăm nom con, không chăm sóc và cấp dưỡng nuôi con. Bản thân bà C hiện nay chỉ buôn bán nhỏ nên điều kiện chăm sóc cho cả hai con không đầy đủ.

Vì vậy, bà Trương Thị C yêu cầu ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Nguyễn Trương Kỳ D, sinh ngày 26/4/2011 và Nguyễn Văn Manh T, sinh ngày 18/02/2014 mỗi tháng 5.000.000đ/02 cháu.

Tại phiên tòa, bà Trương Thị C bổ sung yêu cầu khởi kiện: Bà C yêu cầu được nhận nuôi cả hai con là Nguyễn Trương Kỳ D và Nguyễn Văn Manh T.

Ngoài ra, bà C không có ý kiến gì khác.

Tại biên bản tự khai ngày 24/01/2019 và những lời khai tiếp theo, bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Do quen biết và có tình cảm với nhau nên ông M và bà C có con chung với nhau. Ông M đã nhận con và làm giấy khai sinh cho 02 cháu Nguyễn Trương Kỳ D, sinh ngày 26/4/2011 và Nguyễn Văn Manh T, sinh ngày 18/02/2014, đăng ký tên cha là Nguyễn Văn M.

Tuy nhiên, ông M nghi ngờ 1 trong 2 cháu không phải là con mình nên yêu cầu Tòa án Trưng cầu giám định ADN. Kết luận giám định số 225/C09C(Đ5) ngày 18/3/2019 của Phân viên Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận Nguyễn Trương Kỳ D và Nguyễn Văn Manh T là con đẻ của Trương Thị C với Nguyễn Văn M. Ông Nguyễn Văn M đồng ý với kết quả giám định, xác nhận cháu D và cháu Tuấn là con ông M.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà C thì ông không đồng ý vì cho rằng bản thân ông làm nông tại địa phương nên thu nhập không ổn định. Hiện nay ông đã hết tuổi lao động nên ông không còn lao động thường xuyên lại mắc bệnh tiểu đường phải lo chữa trị. Hơn nữa, ông còn phải cấp dưỡng nuôi con chung với vợ là cháu Nguyễn Thị Yến Phương, sinh năm 2000, hiện đang học tại trường Đại học Duy Tân, thành phố Đà Nẵng năm thứ nhất. Ông M yêu cầu được nhận nuôi cháu Nguyễn Trương Kỳ D. Nếu không được thì ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ/cháu và chỉ đồng ý cấp dưỡng cho 01 cháu.

Ngoài ra ông không có ý kiến và trình bày gì thêm.

Đại diện VKSND thị xã Điện Bàn phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

Quá trình Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Các đương sự chấp hành tốt quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án Viện kiểm sát cho rằng: yêu cầu của bà C là có cơ sở nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C: Giao con là Nguyễn Trương Kỳ D và Nguyễn Văn Manh T cho bà Trương Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, buộc ông Nguyễn Văn M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ/2 cháu cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

Luật sư Trương Văn Bình, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng chi phí thực tế của mỗi cháu tại địa phương từ 4-5 triệu đồng/tháng. Trong khi ông M chỉ đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ và chỉ cấp dưỡng cho một cháu thì không đủ chi phí cho các cháu.

Luật sư Võ Văn Đáng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị xem xét mức thu nhập thực tế của ông M để buộc mức cấp dưỡng cho phù hợp vì hiện nay ông M đã ngoài tuổi lao động, lại đau ốm và phải nuôi vợ, con nên không đủ cấp dưỡng như yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con giữa nguyên đơn bà Trương Thị C và bị đơn ông Nguyễn Văn M. Bị đơn hiện đang cư trú tại địa chỉ: thôn L 2, xã Điện H, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn theo quy định tại khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị C bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc nuôi con, yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà C không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên HĐXX căn cứ Điều 244 BLTTDS chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà C.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trương Thị C và ông Nguyễn Văn M không có đăng ký kết hôn nhưng có 02 con chung là Nguyễn Trương Kỳ D và Nguyễn Văn Manh T. Sau khi có đơn của bà C, ông M yêu cầu giám định ADN để khẳng định cháu Nguyễn Trương Kỳ D và Nguyễn Văn Manh T là con đẻ của ông do bà C sinh ra. Kết luận giám định số 225/C09C(Đ5) ngày 18/3/2019 của Phân viên Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận Nguyễn Trương Kỳ D và Nguyễn Văn Manh T là con đẻ của Trương Thị C với Nguyễn Văn M. Ông Nguyễn Văn M đồng ý với kết quả giám định, xác nhận cháu D và cháu Tuấn là con ông M. Vì vậy bà Trương Thị C yêu cầu ông Nguyễn Văn M nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở.

[3] Về chăm sóc, nuôi dưỡng con chung: Bà C hiện đang nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Trương Kỳ D và Nguyễn Văn Manh T. Ông M đồng ý với Kết luận giám định,

xác định Nguyễn Trương Kỳ D và Nguyễn Văn Manh T là con ông và có nguyện vọng nuôi cả 02 cháu. Bà C không đồng ý giao con chung cho ông M nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà C và ông M là cha mẹ ruột của Nguyễn Trương Kỳ D và Nguyễn Văn Manh T nên yêu cầu được nuôi con của ông M và bà C là chính đáng. Thực tế, ông M đã có vợ, con hợp pháp và sống chung với vợ, con của mình tại xã Điện H. Cháu Nguyễn Trương Kỳ D và Nguyễn Văn Manh T chỉ được xác định là con ngoài giá thú của ông Nguyễn Văn M. Các cháu đang sống ổn định với bà C từ nhỏ đến nay. Hiện cháu D đang học Tiểu học tại Trường Tiểu học số 2 Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng và cháu Tuấn đang học tại Trường mầm non Hòa Phước nơi bà C đang sinh sống. Đồng thời, cháu D có nguyện vọng sống cùng mẹ. Vì vậy, giao cháu Nguyễn Trương Kỳ D, sinh ngày 26/4/2011 và Nguyễn Văn Manh T, sinh ngày 18/02/2014 cho bà Trương Thị C trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trương Thị C yêu cầu ông Nguyễn Văn M cấp dưỡng nuôi con cho cháu Nguyễn Trương Kỳ D và Nguyễn Văn Manh T mỗi tháng 5.000.000đ/2 cháu kể từ thời điểm nộp đơn khởi kiện (tháng 01/2019) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn M không đồng ý với yêu cầu của bà C vì cho rằng hiện tại ông sinh sống bằng nghề nông tại địa phương. Trước đây ông có thu nhập khoảng 8.000.000đ/tháng nhưng bây giờ ông đã quá tuổi lao động nên thu nhập không ổn định. Bản thân ông phải nuôi con chung với vợ ông là cháu Nguyễn Thị Yến Phương, sinh năm 2000, hiện đang học tại trường Đại học Duy Tân, thành phố Đà Nẵng nên không đủ khả năng cấp dưỡng theo yêu cầu của bà C được. Nếu buộc phải cấp dưỡng nuôi con cho cháu D và cháu Tuấn thì ông đồng ý mức cấp dưỡng 1.500.000đ/cháu và chỉ cấp dưỡng cho 01 cháu.

HĐXX xét thấy, trách nhiệm chăm sóc, giáo dục và cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con phù hợp với nhu cầu hiện tại của con và thu nhập của người cấp dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho cháu D và cháu Tuấn có cuộc sống đảm bảo cũng như phát triển bình thường. Hội đồng xét xử cần xem xét đến điều kiện kinh tế của mỗi người để áp dụng mức cấp dưỡng cho phù hợp với thực tế.

Theo tài liệu, chứng cứ và trình bày của ông M thì thu nhập của ông trước đây khoảng 8.000.000đ/ tháng. Hiện nay, ông đã lớn tuổi nên không lao động thường xuyên, thu nhập khoảng 5.000.000đ/tháng lại phải nuôi con đang học đại học. Nếu buộc ông M phải chu cấp từ 5.000.000đ/tháng sẽ không đảm bảo sinh hoạt của ông M. Do đó không chấp nhận đề nghị của bà Trương Thị C.

Đối với đề nghị của ông M cấp dưỡng 1.500.000 đồng/ tháng/cháu và chỉ cấp dưỡng cho một cháu: Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay bà C phải nuôi con nhỏ với những điều kiện tối thiểu tại địa phương thì mỗi cháu ít nhất chi phí 3.000.000đ. Vì vậy, mức cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng/cháu là phù hợp. Tuy nhiên, ông M chỉ cấp

dưỡng cho một cháu thì không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu còn lại. Căn cứ vào chi phí thực tế nuôi con của bà C cũng như áp dụng mức lương tối thiểu vùng tại Đà Nẵng buộc ông M cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/cháu mới đảm bảo cho sự phát triển của cháu Nguyễn Trương Kỳ D và Nguyễn Văn Manh T. Tuy nhiên, thời điểm từ khi thụ lý vụ án đến nay đã qua, bà C đã nuôi con nên thời gian cấp dưỡng chỉ tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Từ phân tích trên Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Văn M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Trương Kỳ D, sinh ngày 26/4/2011 và Nguyễn Văn Manh T, sinh ngày 18/02/2014 với mức cấp dưỡng là 1.500.000đ/tháng/cháu cho đến khi Nguyễn Trương Kỳ D và Nguyễn Văn Manh T đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng ông M thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí nên HĐXX chấp nhận miễn án phí cho ông M.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Điều 69; Điều 71, Điều 88; Điều 107; Điều 108; Điều 110, Điều 119 Luật HN&GĐ; Điều 244 BLTTDS; Điều 468 BLDS; Luật án phí lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị C đối với ông Nguyễn Văn M về "Tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con"

1. Giao con chung là Nguyễn Trương Kỳ D, sinh ngày 26/4/2011 và Nguyễn Văn Manh T, sinh ngày 18/02/2014 cho bà Trương Thị C trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo Luật Hôn nhân và Gia đình.

2. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Buộc ông Nguyễn Văn M cấp dưỡng nuôi con chung cho Nguyễn Trương Kỳ D, sinh ngày 26/4/2011 với mức cấp dưỡng là 1.500.000đ/tháng cho đến khi Nguyễn Trương Kỳ D đủ 18 tuổi.

Buộc ông Nguyễn Văn M cấp dưỡng nuôi con chung cho Nguyễn Văn Manh T, sinh ngày 18/02/2014 với mức cấp dưỡng là 1.500.000đ/tháng cho đến khi Nguyễn Văn Manh T đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền trên thì phải trả

lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Trương Thị C không phải chịu án phí DSST. Ông Nguyễn Văn M được miễn án phí đối với tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân